

TƯ LIỆU CÒN LƯU TRUYỀN của ĐIỀU NGỰ GIÁC HOÀNG
(Trần Nhân Tông)

Thiền sư Thích Thanh Từ dịch nguyên ngữ.



TỰA
THIÊN TÔNG CHỈ NAM

Trẫm thâm nghĩ: Phật không có Nam Bắc, mọi người đều có thể tu cầu. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê, để sáng tỏ đường tắt sanh tử, là kinh điển của đức Phật. Đặt mực thước cho đời, làm mô phạm cho người sau, là trọng trách của các bậc Thánh trước (Tổ). Cho nên Lục Tổ nói: "Những bậc Thánh trước (Tổ) cùng Đại sư (Phật) không khác". Nên biết giáo pháp của Phật nhờ các bậc Thánh trước truyền bá ở đời. Nay trẫm đâu không thể lấy trách nhiệm các bậc Thánh trước làm trách nhiệm của mình, giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình.

Vả lại, thuở trẫm còn niên thiếu, có chút ít hiểu biết vừa nghe lời dạy của Thiền sư thì tâm tư lóng lặng, bỗng đứng thanh tịnh, nên để tâm nơi nội giáo, tham cứu Thiền tông, dốc lòng tìm thầy, chí thành mộ đạo. Tuy ý nói hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt.

Năm mười sáu tuổi, Thái Hậu đã chán cõi đời, trẫm nằm rơm gối đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng; ngoài nỗi đau buồn này, đâu rảnh nghĩ việc khác. Chỉ vài năm sau, Thái Tổ Hoàng Đế cũng băng hà, lòng thương mẹ chưa nguôi, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được. Trẫm nghĩ: Công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vỗ về không thiếu điều gì, dù con phải xương tan, thịt nát vẫn chưa đủ đền đáp trong muôn một. Huống nữa, Thái Tổ Hoàng đế khai cơ lập nghiệp rất đổi gian nan, trị nước giúp đời càng thêm hệ trọng. Người đem đất nước giao cho ta khi còn thơ ấu, khiến ta ngày đêm canh cánh không chút thanh thoi. Ta lòng riêng tự bảo: trên đã không cha mẹ để nương tựa, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây? Ta suy đi nghĩ lại: chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hay hơn sao? Thế là chí trẫm đã quyết định.

Đêm mừng ba tháng tư năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ năm (1242), trẫm đổi y phục đi ra khỏi cửa cung bảo tả hữu rằng:

"Trẫm muốn đi dạo để ngẫm nghe lời dân, biết được chí dân, mới hiểu thấu nỗi khó khăn của họ". Bảy giờ tả hữu theo trẫm không quá bảy tám người. Giờ hơi đêm ấy, trẫm cỡi một ngựa lạng lẽ ra đi; sang sông thẳng về hướng đông, mới nói thực lòng cho tả hữu biết. Tả hữu ngạc nhiên, tất cả đều khóc. Giờ mọp hôm sau, đến bến đò Đại Than bên núi Phả Lại, sợ có người biết, trẫm lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Đến tối vào nghỉ chùa Tăng Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Leo trèo lặn lội, núi hiểm suối sâu, ngựa mỗi một không thể tiến lên được; trẫm bèn bỏ ngựa vin vách đá lần bước, đến giờ mùi mới tới sườn núi Yên Tử. Sáng hôm sau, trẫm trèo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến vị đại Sa môn Quốc sư Trúc Lâm. Quốc sư vừa thấy trẫm mừng rỡ, ung dung bảo:

"Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay Bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghỉ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay Bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây".

Trẫm nghe nói, hai hàng nước mắt tự trào, đáp lại Sư rằng: "Trẫm còn thơ ấu vội mất hai thân, bơ vơ đứng trên sĩ dân không chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc đế vương đời trước, thịnh suy không thường, cho nên trẫm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác".

Sư bảo: "Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là chơn Phật. Nay Bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài".

Bảy giờ ông chú Trần Công, người em họ mà Tiên quân gửi gắm đứa con cô. Sau khi Tiên quân bỏ thế gian và quần thần, trẫm phong làm Thái sư tham dự quốc chính. Nghe tin trẫm trốn đi, ông liền sai tả hữu đi mọi nơi dò tìm tung tích rồi cùng người trong nước lên đến núi này.

Gặp trẫm, ông thống thiết nói: "Thần nhận sự ủy thác của Tiên quân, tôn Bệ hạ làm chúa thần dân. Lòng dân trông đợi Bệ hạ như con nhỏ mong đợi cha mẹ. Huống nữa, ngày nay các cố lão trong triều đều là bề tôi thân thuộc, dân chúng sĩ thứ ai cũng vui vẻ phục tùng. Cho đến đứa bé lên bảy cũng biết Bệ hạ là cha mẹ dân. Vả Thái Tổ bỏ thân mà đi, nắm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn vẳng bên tai. Nay Bệ hạ trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa chí mình. Như thần nghĩ, Bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì sao? Chỉ để lời dạy suông cho đời, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ. Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về".

Trẫm thấy Thái sư cùng các cố lão quần thần không có ý bỏ trẫm, liền đem lời bày tỏ với Quốc sư. Quốc sư cầm tay trẫm bảo: "Phàm làm đáng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ

làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón Bệ hạ trở về, Bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong Bệ hạ đừng xao lãng".

Vì thế, trẫm cùng mọi người trở về Kinh, miễn cưỡng lên ngôi. Khoảng hơn mười năm, những khi được rảnh rỗi, trẫm họp các vị kỳ đức để tham cứu thiên, hỏi đạo và các kinh Đại thừa... đều nghiên cứu qua. Trẫm thường đọc kinh Kim Cang đến câu: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", trong khoảng để quyển xuống ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liền đem sở ngộ này viết thành bài ca, để tên là "Thiền Tông Chỉ Nam". Năm này, Quốc sư từ núi Yên Tử về kinh, trẫm mời ở chùa Thắng Nghiêm, trông coi việc ấn bản các kinh. Trẫm đem tập sách này trình Sư, Sư xem qua liền tán thán rằng: "Tâm chư Phật ở trọn nơi đây, sao không nhân khắc in các kinh, khắc in luôn để dạy kẻ hậu học".

Trẫm nghe lời này, sai thợ viết chữ chân phương, ra lệnh khắc bản in. Chẳng những để chỉ đường mê cho hậu thế, mà còn muốn tiếp nối công lớn các bậc Thánh như đời trước. Vì thế tự làm lời tựa này.



TỰA

KHÓA NGHI SÁU THỜI SÁM HỐI

Tiện lợi việc đi lại dưới sông trên bộ, là nhờ xe, thuyền; tẩy sạch bụi dơ nơi thân tâm, là do sám hối. Muốn tẩy sạch thân tâm mà không dùng sám hối, khác nào muốn tiện lợi qua lại mà chẳng dùng xe, thuyền. Thế mới biết công dụng sám hối rất là to. Cho nên kinh Đại Tập nói: "Như áo dơ hằng trăm năm, có thể trong một ngày giặt được sạch sẽ. Như thế, trong trăm ngàn kiếp đã tích tụ các nghiệp chẳng lành, do nhờ Phật lực, khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ, trọn hay tiêu diệt!"

Vả lại, chúng sanh từ trước đến nay tánh giác thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mảy bụi. Do bọt vọng dấy lên, cội uế hiện thành, năng và sở nương nhau, Phật với chúng sanh thấy hai. Căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa, khó được ngộ nhập. Vì thế, đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đứng bệnh cho thuốc. Biết huyền cấu của chúng sanh từ vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành quy y sám hối. Khiến thân tâm thanh tịnh, trong sạch như xưa. Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng. Sao thế? Vì trước khởi tâm ác, như mây che mặt trăng, sau sanh tâm thiện, như đước sáng tan bóng tối. Ôi! Công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao?

Trẫm nhờ quyền thuộc nhà trời, ở ngôi chí tôn, nên việc dân gian quốc chính phiên rộn. Phần hoa dụ dỗ bên ngoài, thị dục mê hoặc ở trong. Miệng thì chán ngán vị ngon, thân phải đeo mang vàng ngọc. Thấy nghe đuổi theo thịnh sắc, ở ăn toàn chốn gác đài. Lại nữa, thói đời khinh bạc, nhân pháp suy vi, học giả mù độn, căn lành kém mỏng. Ngày thì căn trần va chạm, lưới nghiệp kéo lôi; đêm thì mê ngủ che đậy, dây lười trói buộc. Ngày đêm dính mắc, đâu không phải là lỗi chuốc họa gây thù. Trẫm vì lẽ đó, ôm ấp trong lòng, thương cảm xen lẫn, quên ăn mất ngủ. Nhân khi việc triều rảnh rỗi, xem khắp Kinh, Luận và các văn nghi lễ, tuyển chọn pháp có được tự lợi, lợi tha dùng để chỉ dạy cho người. Trăn trở suy đi nghĩ lại, xưa tạo nghiệp trọn do sáu căn. Vì thế đức Phật Thích Ca khi chưa thành đạo, trước vào núi Tuyết sáu năm tu khổ hạnh, là do sáu căn đó vậy. Phỏng theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn. Chính trẫm chế nghi văn sám hối này, gọi là "Khóa nghi sáu thời lễ Phật sám hối".

Văn thì rườm rà, lời thì xa xôi. Nếu văn rườm rà thì người lười sám hối, lời xa xôi thì dễ sanh nghi. Cho nên không dùng lời phù phiếm dòn cho đầy

quyển, cốt khiến người đọc tụng vui vẻ, người nghe thấy dễ ngộ. Mới mong những kẻ có lòng tin, ngày đêm phát tâm chí thành, theo khóa nghi này làm lễ sám hối. Đây chẳng phụ chí nguyện tự lợi, lợi tha của trẫm.

Người sáng mắt thời sau, chớ xem nghi văn này mà phát cười. Tuy nhiên như thế:

Không nhân ngô tía hoa cười sớm,
Đâu thấy hoàng oanh đậu liễu xanh.



NGŨ GIỚI

1. VĂN GIỚI SÁT

Phàm các loài sanh từ trứng, thai, âm, hóa tính vẫn đồng, thấy nghe hiểu biết đâu khác. Chỉ do tạo nghiệp kết oán, nên thọ tên hiệu khác. Ngày trước vốn loài người, nay sanh đàn giống khác nhau. Hoặc là bạn bè, hoặc là anh em. Thay đổi áo xiêm đai mũ, biến thành mai vẫy cánh lông. Vợ quên chồng, chồng quên vợ, con trái cha, cha trái con. Đã thấy đổi đầu khác mặt, lòi về mổ bụng chặt chân. Luống do tham sống sợ chết, lại không một lời kêu đau khổ. Người giết nó, nó giết người, hăn ăn mày, mày ăn hăn, hằng ngày không dứt, mãi tạo oán trái. Kiếp kiếp trả nhau, đời đời thù nhau.

Người quay đầu liền đến quê nhà, kẻ phóng tâm hằng chìm địa ngục. Sách Nho dạy: "Thi ân bố đức". Kinh Đạo dạy: "Ái vật háo sanh"; Phật chỉ cấm sát là giữ giới, người phải để ý tuân hành chớ phạm.

Kệ rằng:

Cánh lông mai vẫy trọn hàm linh,
Sợ chết tham sanh nào khác tình.
Từ trước thánh hiền lòng chẳng nở,
Đâu cam thấy chết vẫn tham sinh.

2. VĂN GIỚI TRỘM

Người làm nhân gnghĩa là quân tử, kẻ làm trộm cắp là tiểu nhân. Người quân tử ôm lòng cứu giúp kẻ cô bản, đưa tiểu nhân thì tham tài lấy vật. Vật của người lấy làm của mình, mặc kệ nhiều người trách cứ, chỉ biết lợi ích cho mình. Đâu biết giàu sang tại trời, chỉ thả ý tham cầu. Thuốc chó, đào hầm, đục tường, khoét vách theo gót tướng quân Sơn Dương, tập làm Khương Thượng quân tử. Nghịch trời trái đất, dối pháp khinh hình. Khi sống thì pháp luật trừng trị, lúc chết bị minh ty khảo tra.

Không những đóng vàng khối ngọc, dầu rằng cọng cỏ mảy lông. Người mùi hương sen trong ao mà Địa thần còn quở, cho vay lấy lời Diêm vương còn phạt. Lưới trời lồng lộng, làm thiện thì thoát, làm ác phải mang. Phép nước thênh thang, làm việc công thì khỏi, làm việc tư thì phạm.

Kệ rằng:

Đục vách đào tường ý chẳng thôi,
Trăm mưu ngàn kế khổ mong cầu.
Đời này ví được của mấy người,
Nào biết muôn phen kiếp ngựa trâu.

3. VĂN GIỚI SÁT

Lưng ong tóc mượt hay khiến tâm tánh say mê, sắc én mảy ngài làm cho hồn phiêu phách lạc. Đưa mắt liếc chẳng phải dao mài mà ai không đứt ruột. Lưỡi uốn tợ sáo diều, mọi người đều phải lắng nghe. Người mê thì nghĩa thân sơ đều đứt; kẻ tham thì đạo đức tiêu tan. Trên thì phong giáo đấm chìm, dưới thì khuê môn tán loạn. Bất luận phàm phu học giả, đều say áo đẹp thích điểm trang. Kỷ cương quốc gia rơi chốn Tô đài; giới thể bị chôn vùi nơi dâm thất.

Thấy do phóng mắt đuổi theo bên ngoài, nên không xoay đầu nhìn lại bên trong. Cởi hết lụa là che thân chỉ bày làn da bọc thịt. Độc giác gần Nữ am mà hoàn tục; chân quân xa Thán phụ nên thăng thiên. Người chẳng theo sắc được năm thân thông, kẻ mê sắc thì mất các giới hạnh.

Kệ rằng:

Má thoảng hương mai, mặt nhụy đào,

Thấy rồi mắt dán, ý nao nao.

Thấy đều một đay da hôi thúi,

Thầm cắt ruột người chẳng dụng dao.

4. VĂN GIỚI VỌNG NGŨ

Tâm là gốc thiện ác, miệng là cửa họa phúc. Nghĩ một niệm thì hưởng ứng chẳng sai; nói một lời thì bóng theo chẳng lệch. Quân tử trọng lời như biện; cổ nhân ngừa nói như bình. Nói ra thì ngay thẳng công bằng; mở lời không cong queo tà vạy. Không nói đây kia hay dở, chẳng bàn mình phải người sai. Đâu dám khua môi múa lưỡi, cần phải giữ miệng gìn lời. Vả nghiệp của thân là nặng, song họa của miệng là trước. Chẳng những kẻ nói là vọng ngôn, còn khiến người nghe làm bậy.

Đời này bị người khinh rẻ, sau khi chết bị nghiệp kéo lôi. Hoặc kèm sắt, kéo lưỡi cam chịu chua cay. Hoặc nước đồng sôi rót vào miệng ôm lòng đau đớn.

Kệ rằng:

Kề vai cười nói khua lưỡi môi,

Cứ mãi làm người vọng ngữ thôi.

Riêng ý cầu tài mong người thích,

Sau cùng khó tránh nghiệp kéo lôi.

5. VĂN GIỚI RƯỢU

Người ưa uống rượu thì đức hạnh suy kém, lời nói nhiều lầm lỗi. Hơi nóng xông nát dạ dày, vị cay xuyên thủng gan ruột. Rối loạn tinh thần, tâm tánh hôn mê. Chẳng nghĩ đến cha mẹ, tội ngũ nghịch chuyên làm. Hoặc ồn náo nơi tiệm quán, hoặc say mềm ngoài đường sá. Khi trời mắng đất, hũy Phật chê Tăng. Miệng lăm nhăm hát ca, thân trần trụi nhảy múa. Đã không tiếp Phật

cúng dưỡng, mà lại theo bọn mũ đen bất chánh. Tan thân mất mạng từ đó mà sanh, mất nước tan nhà từ đây mà có.

Bỏ rượu thì ngàn điếm lành điều tới, uống rượu thì trăm họa kéo về. Đại Võ không uống rượu nên muôn họ đều theo. Thái Khang mê rượu nên năm con đều oán. Đâu chỉ hàng phong lưu phải răn, mà bậc đạt giả cũng cần phải tránh. Bao nhiêu người rạng rỡ trên đời, lại bị tối tăm trong rượu.

Kệ rằng:

Men bả một vò ủ nấu thành,
Bao nhiêu người trí mất thông minh.
Chẳng riêng Tăng sĩ không gìn giới,
Mất nước, tan nhà từ đó sanh.



BỐN NÚI

Nguyên là, tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có. Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chơn không. Vọng ấy từ không, không hiện vọng, vọng sanh các sắc. Đã trái không sanh không hóa, mãi làm có hóa có sanh. Không sanh hóa thì không hóa sanh; có hóa có sanh nên có sanh có hóa. Hoặc sanh thánh hiền ngu trí, hoặc hóa vẫy cánh lông sừng. Luôn luôn chìm đắm nơi bến mê, mãi mãi trôi lăn trong biển khổ. Mờ mờ mịt mịt nào biết nào hay, rối rắm lằng xằng chẳng tinh chẳng ngộ. Trộn là buông tâm chạy đi, đều không nắm mũi kéo về. Khiến đến qua lại sáu đường, xuống lên bốn núi. Bốn núi là: Sanh, Già, Bệnh, Chết. Nay lần lượt trình bày bốn núi để lại đời sau.

KỆ BỐN NÚI

Bốn núi cheo leo vạ khóm tùng,
Ngộ xong chẳng có muôn vật không.
Mừng được ba chân lừa có sẵn,
Cởi lên thúc mạnh vượt cao phong.

NÚI THỨ NHẤT

Núi thứ nhất là tướng Sanh: Vì sai một niệm nên hiện đa đoan. Gá hình hài nơi tinh huyết mẹ cha, nường khí âm dương dưỡng nuôi thai nghén. Trong tam tài người đứng giữa, lại hàng chí linh của muôn vật. Chẳng luận kẻ trí người ngu, đều thuộc bào thai bao bọc; hỏi chi một người trăm họ đều trong lò bẻ mà ra. Hoặc mặt trời biểu hiện, vua thánh giáng sanh; hoặc các sao ứng điềm, tôi hiền xuất hiện. Văn chương quét sạch ngàn quân, võ lược chiến thắng trăm trận. Trai cậy phong tư ném quả, gái khoe sắc đẹp nghiêng thành. Một trận cười nghiêng nước, hai trận cười đổ thành. Đua danh khoe đẹp, tranh lạ đấu trần, xem ra thấy đều luân hồi, đáo để khó trốn sanh hóa.

Tướng Sanh của người là mùa xuân trong năm. Hanh thông đang độ tam dương, muôn vật rực màu tươi tốt. Một trời trong sáng, nơi nơi liễu thắm hoa cười; muôn dặm phong quang, chốn chốn oanh kêu bướm lượn.

Kệ rằng:

Trời đất nấu nung vạ tượng thành,
Xưa nay không mống cũng không manh.
Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Liền trái không sanh nhận có sanh.
Mũi đắm các hương, lưỡi tham vị,
Mắc mờ chúng sắc, tiếng mê tai.
Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách xa quê muôn dặm trình.

NÚI THỨ HAI

Núi thứ hai là tướng Già: Hình dung thay đổi, khí huyết đã suy, dáng gầy tuổi cao, ăn uống hay sặc thường nghẹn. Tóc xanh má đỏ đổi thành tóc bạc da mồi, ngựa trúc áo hoa biến thành gậy cừu xe côi. Dầu rằng mắt sáng như Ly Lô cũng khó phân rành màu sắc; dù cho tai thính như Sư Khoáng cũng không nhận rõ âm thanh. Tiêu tụy như cây liễu lúc thu về, điêu linh như đóa hoa khi xuân hết. Bóng chiều vừa ngã non tây, dòng nước sắp chảy về biển đông.

Tướng Già của người là mùa hạ trong năm. Trời nóng đá chảy muôn vật đều khô, nắng nóng sôi vàng trăm sông sắp cạn. Hoa tàn liễu úa, bờ lạch trong vườn há còn lưu giữ. Bướm lượn oanh bay, dưới lá đầu cành già sắp tới.

Kệ rằng:

Con người kiếp sống tựa phù du,
Thọ yếu người trời chớ vọng cầu.
Bóng ngã nương dâu, chiều sắp đến,
Thân như bồ liễu tạm qua thu.
Phan Lang thuở nọ còn xanh tóc,
Lã Vọng ngày nay đã bạc đầu.
Cuồn cuộn việc đời trôi chẳng đoái,
Vàng ô gác núi, nước trôi xuôi.

NÚI THỨ BA

Núi thứ ba là tướng Bệnh: Tuổi đã già khòm, bệnh đến cao hoang. Chân tay mỗi mệt, mạch lạc khó thông, trăm lông rã rời, nóng lạnh chẳng thuận. Tan mất tánh chơn thường, sai lệch nguồn điều dưỡng. Ngồi đứng khó khăn, co duỗi đau đớn. Mạng dưỡng ngọn đèn trước gió, thân như hòn bọt trên sông. Tâm sanh bóng quỷ lô nhô, mắt thấy không hoa lốm đốm. Hình hài gầy yếu, ai là Biển Thước thuốc thang; thân thể hao mòn, nào kẻ Lư Nhân cứu chữa. Bận bề luống nhọc viếng thăm, anh em uống sức nâng đỡ. Bệnh nặng nhiều tháng chẳng lành, nằm liệt nhiều tuần chưa khỏi.

Tướng Bệnh của người là mùa thu trong năm. Gặp khi sương lạnh mới rơi, đến lúc cỏ cây đều héo. Rừng rậm xum xuê, một trận gió vàng đã lơ thơ; núi biếc non xanh, móc ngọc mới sa liền trơ trọi.

Kệ rằng:

Âm dương trái vận vốn xoay vần,
Gieo rắc tai ương đến thế nhân.
Đại để có thân là có bệnh,
Ví bằng không bệnh cũng không thân.
Linh đờn chớ cậy trường sanh thuật,
Lương dược khó mong được sống bền.

Sớm nguyện xa lìa ma cảnh giới,
Xoay tâm về đạo dưỡng thiên chơn.

NÚI THỨ TƯ

Núi thứ tư là tướng Chết: Bệnh càng trầm trọng mạng sắp cáo chung. Tuổi thọ mong hưởng trăm năm, thân thể trở thành giấc mộng. Thông minh trí tuệ khó trốn ngày đại hạn sắp sang. Sức mạnh oai hùng đâu chống được khi vô thường đã đến. Thiếp thuận vợ trinh trở thành đau thương đứt ruột, anh nhường em kính vợi nên ly biệt suốt đời. Vật mình lăn đất, vỗ trán kêu trời. Tường hoa nhà rộng có làm chi, kho đụn vàng kho rỗng cũng bỏ. Dạ đài mù tối luống nghe gió bắc vi vu, tuyên hộ then gài chi thấy mây sâu ảm đạm.

Tướng Chết của người là mùa đông trong năm. Càn khôn ứng Thái tuế tròn vòng, nhật nguyệt hưởng huyền huyền hội tụ. Âm tinh cực thịnh, khắp trời mưa tuyết tới bởi, dương khí tan dần, nước tám đức đóng băng càng lạnh buốt.

Kệ rằng:

Cào đất dùng dùng trận gió hanh,
Lão ngư say tíu chiếc thuyền chành.
Bốn bề mù mịt mây sầm bóng,
Một dãy lô xô sóng cuộn ghềnh.
Theo lớp hạt mưa bay phát phới,
Đồn nhau tiếng sét nổ đi đoành.
Giây lâu tan bụi, bên trời tạnh,
Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh?

(Ngô Tất Tố)

Bảo táp cuồng phong đất bụi bay,
Lão ngư say tíu, chiếc thuyền lay.
Bốn bề mây phủ màu đen kịt,
Một dãy sóng gầm tiếng vang tai.
Sầm sập trận mưa ào ạt đổ,
Ì ầm xe sấm nổ vẫn xoay.
Tạm thời bụi lắng, chân trời sáng,
Trăng lặn lòng sông, canh mấy ai?



NÓI RỘNG SẮC THÂN

Hết thầy các người! Thân là gốc khổ, thể chất là nhân nơi nghiệp nếu tự cho nó là thật, cũng là nhận giặc làm con.

Các ông nên chín chắn xem, chỉ sắc thân này khi chưa vào bào thai thì nơi nào được có. Bởi do niệm khởi duyên hội, năm uẩn hợp thành, thể mạo vọng sanh, hình dung giả có. Quên thật quên gốc, hiện giả hiện dối, hoặc nữ hoặc nam, hoặc đẹp hoặc xấu. Trọn là buông tâm chạy đi, toàn không một bước trở về, chạy rong trên đường sanh tử, mất tuốt "bản lai diện mục". Do đó, dương mắt nhìn bên ngoài, ai biết xoay đầu ngó lại bên trong. Khi lại, sanh là hóa sanh; nơi đến, trong mộng nói mộng. Lãng xăng lộn xộn, vội vội vàng vàng, lấy giả làm chơn, trái không quên sắc. Đầu sọ khô cài hoa đất ngọc, túi da hôi ướp xạ xông hương, cất lùa là che đậy máu tanh, dồi son phấn át thùng phân thúi. Trang sức như thế trọn là gốc nhớp. Không thể nơi đây tự thẹn, lại hưởng trong ấy mền yêu.

Hết thầy các người! Giống hệt con rối, đều nhờ sợi tơ kéo rút, đùa đến đùa đi, cùng sanh một thứ, sau khi buông đi, thật là đáng chết. Tự khởi muôn việc tính toán, đều do lục tặc công phá. Chẳng lo già bệnh chết đến, chỉ thích sắc tài rượu thịt. Luống đua đầu lặn sừng ốc, cam chịu lợi ràng danh buộc. Trọn ngày dồn sức mong cầu, tối lại trở thành mộng tưởng. Chất chứa nghiệp dơ như giếng, chẳng biết tóc bạc như sương. Một hôm bệnh nặng trầm kha, trăm năm trọn về mộng lớn. Tim gan đau đớn dường thể oán thù, thân thể ốm gầy giống như quỷ đói. Còn muốn cầu đảosống dai, nào biết sát sanh hại mạng. Chỉ mong biết đời sống như từng bá, đâu ngờ thân thể ví tựa nhà xiêu. Hồn phách tuy về cõi quý, thi hài vẫn còn ở nhân gian, tóc lông răng móng chưa kịp tiêu, đàm dãi máu me đều chảy trước. Rửa nát thì máu mủ chảy trào, hôi hám ất xông trời ngộp đất, đen nám chẳng dám nhìn, xanh bầm thật đáng tởm. Chẳng luận giàu nghèo đồng vào cõi chết, hoặc để trong nhà thì đòi đục tửa sanh, hoặc ném ra đường quạ ăn chó xé. Người đời đều bịt mũi đi qua, con hiếu thì lấy chiếu mền quấn dẫu. Nhật thu hài cốt, chôn cất thối xương. Quan quách phó cho đóm lửa ma trời nơi hoang dã, mã mồ giao cho muôn dặm núi sông. Khi xưa tóc đen má ửng, ngày nay xương trắng tro đen, Khi mưa lẹ rơi thì mây sâu thâm, khi gió buồn thổi thì trăng sáng hắt hiu. Đêm vắng thì quỷ khóc thần sầu, năm dài thì ngựa giày trâu đập. Lửa đom đóm lập lòe trong đám cỏ xanh, tiếng dế ngân nỉ non cạnh hàng dương liễu. Bia ghi nữa chìm rêu xanh phủ, tiêu phu dẫm mãi thành lối mòn. Dầu cho văn chương cái thế, giả sử tài sắc nghiêng thành, chung cuộc đâu có đường khác, cuối cùng cũng chỉ một lối đi. Mất bị sắc dẫn, trèo lên

cây kiếm; tai theo tiếng lôi, tiến lên núi đao; ý chua cay vạt dầu sôi nung nấu. Nhân gian trọn một trăm năm, trong địa ngục mới là sáng tối.

Nếu người tác gia đủ mắt, cần phải sớm gấp hồi quang, chuyển thân nhảy khỏi vòng sanh tử, khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân. Dù là nam hay nữ thấy đều tu được; dầu rằng trí hay ngu trọn đều có phần. Nếu chưa đạt được Phật tâm, Tổ ý hãy trước nương trì giới tụng kinh. Đến lúc Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải, thì giới gì trì, kinh nào tụng. Nơi sắc huyễn cũng là chơn sắc, ở thân phàm cũng là thân Phật. Phá sáu thức làm sáu thần thông, đạo tám khổ thành tám tự tại.

Tuy nói thế ấy, mà mỗi người vào trong sắc thân rồi bỏ đó thật khó thay! Hết thầy các người! Chỉ sắc thân này lại làm sao giải thoát? Nếu chưa giải thoát, cần phải nghe đây:

Vô vị chơn hơn thịt đở au,
Hồng hồng bạch bạch chớ lẫn nhau.
Ai hay mây cuộn, không toàn tịnh,
Sương biếc bên trời, dãy núi cao.



RỘNG KHUYẾN PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Ở đời cái quý tốt chỉ là vàng ngọc mà thôi. Nhưng xét kỹ chỗ quý tiếc ấy, chẳng bằng thân mạng. Ví như có người giàu sang được phong làm đại tướng, dùng vàng ròng làm giáp để che chở cho thân. Đến khi lâm chiến binh đao bị thua, hoặc cởi giáp ném gươm mà chạy, mong được thân mạng an toàn mà thôi, giáp vàng ròng chẳng bằng cái quý thân mạng, đây là thực vậy.

Ngày nay không thế, trái lại quý vật kia mà khinh thân này. Chẳng biết thân này khó được có ba. Thế nào là ba?

1.- Trong lục đạo chỉ có người là quý, đến khi nhắm mắt đi rồi, mờ mờ mịt mịt chẳng biết chỗ đến. Hoặc vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la chẳng được làm người. Đây là cái khó được thứ nhất.

2.- Đã được làm người, lại sanh nơi mọi rợ, tằm thì đồng sông, ngủ thì chung giường, trật tự tôn ty không có, nam nữ lẫn lộn, chẳng được phong tục nhân thuần, chẳng nghe chữ thánh giáo hóa. Đây là cái khó được thứ hai.

3.- Đã được sanh nơi phần thịnh mà sáu căn không đủ, thân thể tật nguyên, mù, điếc, câm, ngọng, què, thọt, còng, gù; miệng mũi hôi tanh, thân hình nhơ nhớp. Thầy chẳng được gần, chúng chẳng được thân. Tuy ở nơi phần thịnh dường thế ở ngoài quê vắng. Đây là cái khó được thứ ba.

Nay đã làm người, được sanh nơi phần thịnh lại đầy đủ sáu căn, đâu chẳng là quý sao? Người đời luôn luôn đuổi theo con đường danh lợi, luống nhọc xác tổn thân, đem thân mạng rất quý báu này làm tội cho tiền của đáng khinh. Sánh với người ăn bánh quên vợ, ngậm cơm quên môi nào có khác gì. Tuy thân mạng thực là quý trọng, vẫn chưa quý trọng bằng đạo tối cao. Cho nên Khổng Tử nói: "Sớm nghe đạo, chiều chết cũng vui". Lão Tử nói: "Tôi sợ dĩ có hoạ lớn, vì tôi có thân". Thế Tôn thuở xưa cầu đạo xả thân cứu cạp đói. Đâu chẳng phải ba bậc thánh nhân đều khinh thân mà trọng đạo đó sao? Than ôi! Thân mạng thật là quý trọng còn phải xả để cầu vô thượng Bồ đề, huống là vàng ngọc, tiền của đáng khinh mà lại tiếc sao? Ở trong ấp mười nhà vẫn có người trung tín, huống là cả thế gian há không có người thông minh sáng suốt sao? Đã nghe lời này, cần phải gắng học, chớ nên nghi ngờ chậm trễ. Kinh nói: "Một phen mất thân người, muôn kiếp chẳng được lại", thật là thống thiết. Cho nên Khổng Tử nói: "Người không chịu làm, tôi chẳng làm gì, cam đành thôi vậy".

Rõ ràng thời gian trăm năm, toàn ở trong sát na, thân huyễn tứ đại đâu thể lâu dài. Mỗi ngày chìm đắm trong trần lao, mỗi lúc nghiệp thức càng mênh mông vô tận. Chẳng biết một tánh viên minh, luống theo sáu căn tham dục.

Công danh cái thế cũng chỉ là một trường đại mộng, phú quý kinh nhân khó khỏi vô thường hai chữ. Tranh nhân tranh ngã rốt cuộc thành không, khoe giỏi khoe hay cứu cánh chẳng thật.

Gió lửa khi tan không già trẻ,
Núi sông bại hoại mấy anh hùng.

Đầu xanh chưa mấy lúc, tóc bạc đã sớm điểm sương, ngày vui vừa đến thì ngày điếu cũng đi theo. Một bao máu mủ nhiều năm khổ luyện ân tình, bảy thước hình hài buồng lòng tham mê tài bảo. Thở ra khó mong được hít vào, ngày nay không bảo đảm ngày mai.

Sông yêu chìm nổi lúc nào thôi,
Nhà lửa đốt thiêu bao giờ tắt.

Chẳng nguyện vượt ra lối nghiệp, chỉ vì có công phu. Vua Diêm La chợt truy tìm, Thôi tướng công há cho triển hạn. Ngoái đầu nhìn người thân chẳng thấy, đến đây rồi nghiệp báo tự mang. Quỷ vương, ngục tốt mặc sức khảo tra, cây kiếm núi đao khôn chống đỡ. Hoặc nhốt dưới ngọn núi lửa, hoặc giam trong núi Thiết vi. Vào vạt dầu sôi muôn kiếp ngàn đời, bị chặt chém một đao thành hai khúc. Đói nuốt hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Suốt ngày luôn chịu khổ đau, năm trăm kiếp chẳng thấy hình bóng. Trả xong tội nghiệp trở vào luân hồi. Bỗng mất thân người khi trước, trở lại mang lấy đày da. Đội lông mang sừng, hàm sắt dây yên, lấy thịt nuôi người dùng mạng trả nợ. Sanh bị khổ đao bằm chày nện, sống bị nạn nước sôi lửa bỏng. Hằng chứa oán thù, thay nhau ăn nuốt. Khi đó mới hối hận, học đạo không nhân. Chi bằng ngày nay tu tập, chớ để đời này trôi qua.

Đức Phật Thích Ca trước bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết. Cư sĩ Bàn Long Uẩn đem gia tài đổ xuống biển sâu. Chân Vũ chẳng tiếc ngôi vua chỉ cầu tu hành. Lữ Công đã làm thần tiên vẫn còn tham vấn. Tô Đông Pha thường gần Phật Ấn, Hàn Văn Công lại lễ Đại Diên, Bùi Công bị đoạt hết nơi Thạch Sương, Phòng Tướng hỏi pháp ở Quốc Nhất. Diệu Thiện không nhận phò mã, thành Phật không ngờ, Lục Tổ mới gặp khách nghe kinh liền tỉnh ngộ. Đạo Thiên nếu không thú vị, hiền thánh sao chịu quy y, Hoa Lâm cảm hóa hai cọp theo luôn, Đầu Tử có ba con chim báo sáng. Lý Trưởng giả giải kinh mà thiên trù dưng cơm. Tu Bồ Đề ngồi yên mà Đế Thích tán hoa. Đạt Ma một chiếc dép về Tây, Phổ Hóa rung chuông bay đi. La hán đến tham vấn với Hòa thượng Ngưỡng Sơn, Nhạc Đế quy y với Thiên sư Tư Đại, Cảnh Sơn đến nay vẫn được Long vương thỉnh cúng. Tuyết Phong ngày xưa hay sai người gõ phá non. Đây là những nguyên do để nghiệm biết, chớ tự khinh mà lui sụt.

Chồn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp. Loài ốc sò vẫn biết hộ kinh Kim Cang. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời. Năm

trăm chim quạ nghe tiếng pháp thấy được làm hiền thánh. Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên. Rồng nghe kinh mà ngộ đạo. Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm.

Hoặc có người vui đầu trong ăn uống, qua mất một đời. Hoặc có người trên đường tu hành lầm lẫn mà không thức tỉnh. Đâu biết tánh giác Bồ đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát nhã người người đầy đủ. Chớ luận đại ấn tiểu ấn, thôi phân tại gia xuất gia. Chẳng cuộc người tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm. Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng. Người chưa rõ đối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật.

Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi vòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt nhất thừa. Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Bước bước đạp trên đất thật, đầu đầu đều đội hư không. Khi dùng thì muôn tánh toàn bày, buông đi thì mảy bụi chẳng lập. Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ quỷ thần nhìn chẳng ra.

Là phàm là thánh đồng vào đường này, hoặc oán hoặc thân cùng chung một lối. Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa đường. Thôi nói tam huyền hướng thượng, cốt rõ một câu rốt sau. Hãy nói hiện nay cái gì là "một câu rốt sau?"

Non xanh chốn ấy nhìn trời rộng,
Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm.



LUẬN VỀ THỌ GIỚI

Tịnh giới tiếng Phạn gọi là Ba La Đề Mộc Xoa. Sở dĩ chư Phật ba đời được thành đạo không vượt ngoài giới. Nên nói: "Người có phá giới, được gọi là Tỳ kheo, người không phá giới gọi là ngoại đạo". Đây là chỉ người có thọ giới cùng người không thọ giới. Thọ giới rồi lại phá còn gọi Tỳ kheo; huống là người thọ tất cả tịnh giới, lại kiên trì giữ gìn! Cho nên hiện tại Bồ tát lấy đây (giới) mà độ sanh; vị lai người tu hành do đây (giới) mà giải thoát. Kinh nói: "Giới như đất bằng, muôn điều lành từ đó sanh. Giới như thuốc hay, chữa lành các bệnh. Giới như hòn ngọc sáng, hay phá mờ tối. Giới như chiếc thuyền, hay đưa người qua biển. Giới như chuỗi anh lạc, trang nghiêm pháp thân".

Người có tội phải sám hối, nếu không sám hối thì tội càng sâu. Một phen mất thân này, muôn kiếp chẳng được lại. Ngày nay tuy an, sáng mai khó bảo đảm. Nên giữ giới pháp này, chóng qua sanh tử. Thờ Phật làm thầy, trước phải y theo giới luật. Cổ Đức nói: "Qua sông phải dùng bè, đến bờ chẳng cần thuyền". Đây là cổ nhân dùng giới luật làm thuyền bè. Song người nay chẳng dùng thuyền bè qua sông, mà được đến bờ kia, thật ít thay!



LUẬN TỌA THIÊN

Phàm người học đạo chỉ cầu kiến tánh. Tuy thọ được tất cả tịnh giới, mà không tọa thiền thì định lực chẳng sanh; định lực chẳng sanh thì vọng niệm không diệt, muốn được kiến tánh thật khó vậy. Đức Phật Thích Ca vào núi Tuyết, ngồi ngay thẳng sáu năm, chim cáp làm tổ trên đầu, cỏ tranh mọc xuyên qua bắp vế, mà thân tâm thản nhiên. Tử Cơ ngồi tựa ghế, thân như cây khô, tâm tựa tro tàn. Nhan Hồi ngồi quên, tay chân rũ rời. Đuổi thông minh, lìa ngu trí, đồng với đại đạo. Đó là các bậc thánh hiền trong tam giáo ngày xưa, đã từng ngồi định.

Song đi đứng nằm ngồi đều là thiền, không phải chỉ riêng ngồi. Nhưng vì đi thì cất bước, đứng thì nhọc nhằn, nằm thì mờ mịt mà yên tĩnh, yên tĩnh thì cái nghĩ sanh, nghĩ sanh thì niệm khởi. Muốn dứt các niệm nên tập ngồi thiền định, nếu khi ngồi không dứt các niệm, tâm khí đua nhảy, ý vượn chạy rong, hoặc vọng tưởng mà biết tiền trần, hoặc vô ký mà quên tự tánh. Tựa giường tựa vách, nhắm mắt che tròng, ngủ gục nước miếng chảy, đầu cúi xương sống cong. Tuy giả danh là tọa thiền, mà ngồi dưới núi đen, trong hang quỷ. Cho nên thiền sư Hoài Nhượng nói: "Mài gạch muốn làm gương" là nói về người này vậy.

Vả lại, thiền có bốn thứ:

- 1.- Tọa kế khác, ưa trên chán dưới mà tu, gọi là "Ngoại đạo thiền".
- 2.- Chánh tín nhờn quả, cũng ưa trên chán dưới mà tu, gọi là "Phàm phu thiền".
- 3.- Rõ lý sanh (nhân) không, chứng đạo thiền chơn mà tu, gọi là "Tiểu giáo thiền".
- 4.- Đạt nhân, pháp đều không mà tu, gọi là "Đại giáo thiền".

Nay người hậu học, cần lấy "Đại giáo thiền" làm chánh. Nơi đây tập tọa thiền dứt niệm, chớ sanh kiến giải.



LUẬN VỀ GIỚI, ĐỊNH, TUỆ

Phàm tất cả người tu hành đều do hai việc: chán sanh, tử. Bỏ cha mẹ vợ con, xuất gia cầu đạo, phụng thờ đức Phật làm thầy. Noi theo đường tắt của chư Phật chỉ có kinh mà thôi. Song trong kinh nói ra duy giới, định, tuệ. Luận giải thoát nói: "Giới, định, tuệ gọi là đạo giải thoát". Giới là oai nghi. Định là chẳng loạn. Tuệ là nghĩa giác tri. Lấy giới để trừ ác cấu, lấy định để trừ triền cấu, lấy tuệ để trừ sử cấu. Cho nên dùng giống thiện này (giới, định, tuệ) mà theo đạo gọi là Sơ thiện, Trung thiện. Hậu thiện. Giới là sơ thiện, định là trung thiện, tuệ là hậu thiện.

- Giới là sơ thiện: vì tinh tấn trì giới thành tựu bất thối nên mừng. Vì mừng nên nhảy nhót, vì nhảy nhót nên cử động, vì cử động nên vui, vì vui nên tâm không định.

- Định là trung thiện: do thân cử động nên dừng, do dừng nên tâm trụ, do tâm trụ nên biết như thật.

- Tuệ là hậu thiện: do thấy biết như thật nên chán ghét, do chán ghét nên lìa dục, do lìa dục nên giải thoát.

Vì thế dùng giới trừ ác thú, dùng định trừ Dục giới, dùng tuệ trừ tất cả cõi. Nương theo giới, định, tuệ này mà tu, tức là đường tắt của chư Phật.



LUẬN GƯƠNG TUỆ GIÁO

Tuệ sanh từ sức định. Nếu tâm định thì gương tuệ sanh, nếu tâm loạn thì gương tuệ diệt. Cũng như chiếc gương bằng đồng trước phải nhờ mài giữa, sau mới trong sạch soi sáng. Nếu chẳng mài giữa thì tỳ vết bụi như phủ tối. Đã bị bụi như phủ ánh sáng làm sao sanh? Cho nên trí tuệ do định hiện, định tuệ nương nhau không thể thiếu một.

Nếu mượn danh tọa thiền, tâm chưa được định mà gương tuệ sanh thì không bao giờ có. Tuy có tánh tuệ mà không tập tọa thiền, tự cho đã có tuệ thì cần tọa thiền làm gì? Người như thế, tuy có tuệ mà không sáng suốt. Nếu khi thiền định, tâm chưa được định mà muốn cầu tuệ, ví như sóng gió chưa dừng mà mong thấy bóng mặt trăng. Nếu tâm đã định lại sanh tà giải, cầu mong được tuệ, cũng như sóng gió đã lặng, bóng trăng lóng trong mà lại lấy tay muốn vớt bóng trăng trong nước, khi nào được thấy.

Tổ sư nói: "Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch". Lại nói: "Tịch tịch tinh tinh phải, tịch tịch vô ký sai. Tinh tinh tịch tịch phải, tinh tinh loạn tưởng sai".(*) Tinh tinh tịch tịch phải, tịch tịch tinh tinh là thuốc, vô ký loạn tưởng là bệnh. Nếu thân có bệnh phải nhờ thuốc đối trị, thân đã bình định còn gì phải trị. Nếu được như thế thì định tuệ thành tựu.

Chú thích: (*) Trong chánh văn: "Tịch tịch tinh tinh thị vô ký, tinh tinh tịch tịch thị loạn tưởng". Nguyên bản của thiền sư Huyền Giác: "Tịch tịch tinh tinh thị, tịch tịch hôn trầm phi". Có lẽ ở đây in sót mấy chữ.



LUẬN VỀ NIỆM PHẬT

Phàm niệm Phật là do tâm khởi. Tâm khởi thiện thì niệm thiện, khởi niệm thiện thì nghiệp báo thiện. Tâm khởi ác là niệm ác, sanh nghiệp ác thì ứng nghiệp ác. Như gương hiện ảnh, tợ bóng theo hình. Cho nên thiền sư Vĩnh Gia nói: "Ai vô niệm, ai vô sanh?" là nghĩa này vậy.

Nay học giả muốn khởi chánh niệm để dứt ba nghiệp, cũng nhờ công phu niệm Phật. Thế nào là niệm Phật được dứt ba nghiệp? Vì khi niệm Phật thân ngồi ngay thẳng, không làm hạnh tà là dứt thân nghiệp. Miệng tụng chân ngôn, chẳng nói lời tà là dứt khẩu nghiệp, Ý gắng tinh tấn, chẳng khởi tà niệm là dứt ý nghiệp. Song người trí có ba bậc:

1.- Bậc thượng trí thì tức tâm tức Phật, chẳng nhờ tu thêm. Niệm tức là trần, chẳng cho một điểm. Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động, tức là thân Phật. Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng. Tướng tướng không hai, lạng lẽ thường còn chẳng biết, đó là Phật sống.

2.- Bậc trung trí ắt nương niệm Phật. Chú ý chuyên cần, niệm niệm chẳng quên, tự tâm thuần thiện. Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu. Niệm ác đã tiêu chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm, nên niệm niệm diệt đó. Khi niệm diệt ắt về chánh đạo. Lúc mạng chung được vui Niết bàn: thường, lạc, ngã, tịnh, là Phật đạo vậy.

3.- Bậc hạ trí miệng siêng niệm lời Phật, tâm muốn thấy tướng Phật, thân nguyện sanh về nước Phật. Ngày đêm siêng năng tu hành, không thối chuyển. Sau khi mạng chung, tùy niệm thiện đó được sanh về nước Phật. Sau được chư Phật dạy bảo chánh pháp, chứng được Bồ đề cũng vào quả Phật.

Ba bậc trên sâu cạn chẳng đồng, chỗ được là một vậy. Song bậc thượng trí nói thì dễ mà hành thì khó. Người thời nay muốn theo gương học, toàn không có chỗ gá nương, trọn trông bờ rồi lui rất khó đặt chân. Bậc trung trí nếu hay siêng tu như lời nói ở trên thì tức khắc thành Phật. Nếu như lậu chưa hết mà lâm chung, tùy quả báo kia trở lại thọ sanh ở đời, nhận quả báo thiện. Quả báo thiện đã hết, không có người đánh thức, trở lại rơi vào đường ác. Như thế đó cũng là khó vậy. Bậc hạ trí lấy niệm Phật làm nấc thang, lấy tinh tấn làm cây thang, chú ý chuyên cần, nguyện sanh về nước Phật. Siêng năng không lười biếng, tâm tánh thuần thực. Sau khi mạng chung, tùy theo sở nguyện được sanh về nước Phật. Đã sanh về nước Phật thân đó không bao giờ mất.

Người học thời nay, đã được thân người, ba nghiệp đồng có, mà chẳng dùng niệm Phật, cầu sanh về cõi Phật, đâu chẳng khó sao? Như muốn niệm

Phật, tức lấy bậc hạ trí làm trước. Tại sao? Vì có chú ý vậy. Ví như xây đài ba tầng, mà chẳng dùng tầng dưới làm trước thì không thể có vậy.



TỰA BÌNH ĐẰNG SÁM HỐI

Pháp tánh như như, không có niệm lự chừng mảy tóc. Chơn nguyên trong lặng, xưa nay bật cả bụi nhơ. Bối chợt khởi vọng duyên, hiện thành thân huyễn. Chạy theo nghiệp thức, quên mất hạt minh châu, tan hết gia tài, sáu căn ham mê tham dục. Nếu có thu nhận tịnh pháp, ắt hay tẩy sạch vọng trần. Phát tâm bình đẳng nhất chơn, lễ thể pháp thân vô tướng. Tiến vào trong ấy mà tự thọ dụng và tha thọ dụng lẫn nhau. Nhắm bên kia cầu thì diện mục mập mờ liền tự hiện.

Tuy nhiên như thế, kiếm chưa rút ra khỏi hộp ngọc thì chỗ loạn khó yên; thuốc ra khỏi bình vàng thì gốc bệnh mới lành. Trăm khi muôn việc rảnh rỗi xem thấy chỗ sâu xa của ba tạng, gặp được pháp môn này, chỉ thẳng vào trong người có khả năng thành Phật. Dù là người mắt sáng, ngại gì trên gấm thêm hoa. Nếu là tri âm hãy nên tiến bước.



TỰA

KINH KIM CANG TAM - MUỘI

Trầm theo bản tánh lắng mầu, chơn tâm trong lặng tròn khuyết đều dứt, chẳng phải tánh trí hay tìm được mối manh; tan hợp trọn quên, tai mắt đâu thể dự vào vang bóng có không chung lại; đạo tục san bằng, sừng sững riêng còn siêu nhiên không gì ngoài. Đây là trọng yếu của tánh Kim Cang vậy.

Bởi chúng sanh đã lâu, huân nhiễm nghiệp tập khẩn chặt, tuy có thần thức mà bị sóng gió tri kiến lay động, kẻ buông lung hạnh nhớt, che đậy chẳng phải không; người xoay huệ quang soi sáng rất ít. Bèn khiến bốn phương đổi chỗ, mơ màng hưởng về; lối tử đã sai, đường chánh thành nhiều ngõ. Bản giác thủy giác đâu rành, chơn tâm vọng tâm khó phân biệt. Vàng ròng lẫn trong chất quặng, trắng sáng cùng bụi mù hiện chung. Cố hương lầm về chốn nào? Diện mục quên mất bản lai. Trên đường Niết bàn rất khó tiến lên, hang ổ sanh tử chui vào có lúc. Cho nên thầy ta bậc Năng nhân chỉ "Vô sanh từ nhãn"; vì thương các khổ đấm chìm nên ôm ấp "Tứ hoàng thệ nguyện"; nhọc nhằn da diết "tâm tư". Pháp thân lắng lặng, Báo thân hiện ra, điềm lành hiện rõ ở triều Chu. Chánh pháp đi, tượng pháp lại, nơi điện Hán mộng thấy người vàng. Ngài Ca Diếp Ma Đằng, Trúc Pháp Lan chở kinh vào, Tây trúc (Ấn độ) Chấn Đán (Trung hoa) mới thông. Kinh chữ Phạn dịch ra văn Trung hoa sáng tỏ, đổi lá bối viết vào giấy lụa. Biển giáo phô bày mọi trần bảo, nghĩa trời hiện rực các vì sao. Hoặc muốn tăng thêm nơi chứa ổn, hoặc mong bổ túc chỗ còn sót, nối gót theo lối Y Ngô, tiến chân trên đường Lưu Sa. Vượt biển không xa, quyết chí về Trung quốc. Từ đời Hán bắt đầu đến nay mở rộng. Nào là: Thiên, Viên, Bán, Mãn không thiếu ở hòm châu. Nào là: Đốn, Tiệm, Thật, Quyền đầy đầy trong rương báu.

Kinh Kim Cang Tam Muội, há chẳng phải là loại viên mãn đốn thật hay sao? Nếu chẳng vậy sao dùng pháp yếu "vô sanh", trình thần thông làm phương tiện. Đại sĩ (Bồ tát) hỏi nhân xuất thế. Tôn giả (Phật) gieo quả cứu cánh. Muốn dẹp trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh. Thấy sanh niệm nơi vọng niệm là mờ, khởi thủy giác nơi bản giác là lợi. Chuyển các tình thức vào thức Am Ma La. Quên đầu không đoái thân mình, duỗi tay dặt về nơi thật tế. Nếu chấp ngoại trần duyên hợp là có, liền bàn chân tánh vốn không và tam tướng không quan hệ, tứ thiên làm gì có? Hòa các vị thành vô thượng vị, đũa các dòng thành dòng sông bất nhị. Xoay chuyển vọng tâm biến kế, tiếp nhập thức

Như lai tàng, bao gồm hiển bày một tâm. Người nhờn chấp mà mê, như Man, Thục giữ nhau. Người tỳ sai mà ngộ, như Lỗ, Tề một lần đối.

Trẫm xét đức làm chủ cả nước, chặn dất muôn dân, mỗi khi nghĩ đến gian nan, quên mất sớm tối. Việc tuy hàng vạn, trộm lúc rảnh rang, chăm việc tiếc giới, học càng tăng tiến. Chũ nghĩa còn ngại chưa rành, đêm đến canh khuya vẫn còn chăm học. Đã đọc sách Khổng Tử, lại xem kinh nhà Phật, kinh này một phen xem, trăm thứ cảm hứng nảy sanh, tìm tòi chỗ thâm áo, ba lần chín suy. Gặm nhấm nghĩa vị, thu thập văn hoa, muốn rõ lời Phật, để giúp ích phần nào cho kẻ hậu học. Lạm đem cái thấy biết hạn hẹp, hầu mở mang cho đàn vượn ngộc. Do đó diễn tả lòng mình, tự làm chú giải. Tìm áo nghĩa nơi Long cung, dò lời mâu nơi Thửu lãnh, nhỏ từng giọt nước trong nguồn chánh giác, bồi từng hạt bụi trên đường chơn như. Phát huy u chí, mở sáng chân tông, khiến người vừa xem liền thấy nghĩa rõ ràng. Phá giậu phen cố chấp của bọn tà, làm thấy nhóm nghĩa đồ nghi thức. Vọng kiến mênh mang, dần biết hướng châu phương Bắc, đường mê chi chút, tạm biết lối chánh về Nam. Để làm chỗ nương cho học giả, mới thấy lòng trẫm không keo xén. Cho nên làm lời tựa.



NÓI RỘNG MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG THƯỢNG

Bàn Sơn để lời rằng: "Một con đường hướng thượng ngàn thánh chẳng truyền, học giả nhọc hình như khỉ bắt bóng". Khiến người học các nơi thấy nhằm trên đầu đường này tham lấy ý thiền. Thử hỏi các ông, ý thiền làm sao tham? Nếu tham được việc ấy, lại như kẻ ngu trên đầu thêm đầu, dưới đuôi thêm đuôi, trong mắt thêm bụi, trên thịt thêm bươu. Nói đến thì môi méo miệng lệch, nhìn đến thì trông mắt rơi rớt. Đức Phật đứng bên liếc mắt nhìn, Tổ Đạt Ma tựa góc châu mày, Mã Tổ treo phát tử, Thù Sơn dấu trúc bễ, Triệu Châu rách nát vải thô, Vân Môn dẹp bỏ bánh hồ, Đức Sơn ném phất cây gậy, Lâm Tế im hơi. Phật Phật Tổ Tổ đều ẩn dấu, người người đều tan mật. Dùi không thể vào, kim không thể dung, đầu đồng cũng không thể tiến được, trán sát vọt cũng chẳng thủng. Lửa nháng còn không đuổi kịp, điện xẹt cũng còn sau đuôi. Tịnh ngộ thì chìm trong làng say, động mê thì đi trên đường sanh tử, giả sử được phó chúc trên hội Linh sơn trọn là một đường bày vẽ. Thiếu Thất truyền riêng cũng là hang dây bò. Mặc dù ông có cơ đường điện chớp, tiếng hét liền ngộ, nói thao thao như dòng nước chảy; câu thoại đầu liền tiến được, tham qua tham lại, lâu ngày chầy tháng, trên miệng tạm có chút ít lưu loát, đầu không khỏi thân vẫn ở trong hang ổ.

Này các người! đến trong đây cũng chẳng được vượt qua một mức, người học ngã nhào phóng mắt nhìn bờ thẳm rất khó bề tiến bước. Hôm nay tôi vì tất cả các người, chẳng khỏi vuốt râu trên miệng cọp, bước khỏi đầu sào. Chỗ nói gió khua từng vang, chỗ nín trăng rơi đầm trong. Khi đi thì mây bay nước chảy, lúc đứng thì non yên núi vững. Lời lời là kế sống đức Thích Ca, câu câu vốn gia phong Tổ Đạt Ma. Buông đó thì chữ bát mở toang, nắm đó thì một cửa không kẻ hở. Tại trong hang quỷ làm lâu các Di Lặc, ở dưới hắc sơn chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền. Chấn chấn là đại quang minh tạng, cơ cơ đều bất nhị pháp môn. Mặc cho tối đi sáng lại, ngại gì mây che trăng khuất. Minh châu trong tay, xanh thì rọi xanh, vàng thì rọi vàng, gương sáng trên đài Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Đâu quan hệ gì thân huyễn trọn là pháp thân. Chẳng nhọc trên đánh phóng quang, vốn đủ sáu thần thông dụng. Hất nhào cung điện Ma vương, lột trần tâm can ngoại đạo. Biến đại địa thành thế giới hoàng kim, khuấy trường hà làm tô lặc cho người trời, trong lỗ mũi pháp luân thường chuyển, dưới chân mày chùa báu hiện tiền. Trên sóng gái đá múa điệu bà sa, người gõ thổi sáo ca khoản đãi. Hoặc gặp trường thì đùa cợt, hoặc được chỗ thì

mở rộng lòng. Hoặc duỗi tay điu dất, hoặc quay về núi rừng. Khi lười biếng thì ngủ mây gối đá, khi hứng thú thì vịnh gió ngâm trăng. Đạo chơi nơi quán rượu phòng trà, cười đùa nơi bờ hoa rặng liễu. Hoa vàng rợp rợp đều là tâm Bát nhã, trúc biếc xanh xanh vốn thực lý chân như. Vạch cỏ hiện bản lai diện mục, đào đất dứt đường hiểm sanh tử. Xoay đầu ngựa sắt đánh lối về, xỏ mũi trâu đất dất đi hành khước. Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, ai bảo một vật vẫn còn? Phật cũng phi, tâm cũng phi; chơn cũng vào, giả cũng vào. Ngoài cửa tam yếu mặc tình hét hai làm ba, chữ thập đầu đường tha hồ gọi chín làm mười. Sáo không lỗ thổi bản vô sanh, đàn không dây khảy bài khoái hoạt (vui sống). Kìa nơi nơi chẳng phải tri âm, đây chốn chốn đâu cho nghe lỗm.

Chỉ một con đường hưởng thượng xưa nay làm sao nói? Đốt! Lửa này chưa từng đốt miệng. Lắng nghe! Lắng nghe! Nếu nghe được lời này thì tai điếc ba ngày, nếu chẳng nghe được chạy qua nhanh. Lại trao cho chẳng?

Chốn chốn non xanh nên cột ngựa,
Nhà nhà có lối thẳng Trường An.
Trở về dưới nguyệt người ít đến,
Một ánh trăng soi khắp mọi miền.



Tư liệu lưu truyền của: Điều Ngự Giác Hoàng
Dịch nguyên ngữ: HT. Thích Thanh Từ
Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử.